TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2020/DS-ST;
Ngày: 17/7/2020;
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hoa Kiều;**

2/ Ông **Nguyễn Trung Trực;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 và ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXX-ST ngày 08/6/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Lê Tuyết A - sinh năm 1972;**
Địa chỉ: ấp M, xã Q, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Thị Huỳnh B** - sinh năm: 1988;
Địa chỉ: ấp Q, xã K, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Trần Ngọc C - sinh năm: 1970;

Bùi Thị D - sinh năm 1972;
Cùng ngụ: ấp N, xã Q, huyện P, Tiền Giang.

(Ngày 03/7/2020; Chị B và anh C có mặt; chị D vắng mặt.

Ngày 17/7/2020: Chị B có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh B trình bày: Chị Lê Tuyết A là chủ đại lý thức ăn gia súc. Năm 2017, chị A có bán thức ăn chăn nuôi heo cho anh C và chị D. Việc mua bán hai bên thỏa thuận miệng, theo hình thức nợ gối đầu, khi nào vợ chồng anh C xuất chuồng heo thì phải trả dứt điểm tiền bán thức ăn cho chị A. Những lần lấy thức ăn đều có sổ theo dõi. Bng những lần thanh toán thì vợ chồng anh C đều nợ lại tiền của chị A. Đến ngày 27/11/2017, tổng kết nợ thì anh C tự tay viết và ký tên vào giấy xác nhận nợ là anh C nợ chị A tổng cộng là 197.963.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền

mua thức ăn chăn nuôi heo. Từ khi tổng kết nợ đến nay, chị A đã nhiều lần yêu cầu anh C trả nợ nhưng anh C vẫn nhưng không thực hiện trả nợ.

Nay chị A kiện yêu cầu anh Trần Ngọc C và bà Bùi Thị sáu có nghĩa vụ liên đới trả cho chị A số tiền nợ thức ăn heo 197.963.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 27/11/2018 đến ngày nộp đơn khởi tại Tòa án tạm tính là 44.363.000 đồng, yêu cầu trả nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc C trình bày: Chị Bùi Thị D - sinh năm 1972 là vợ của anh. Vào khoảng thời gian nào, anh C không nhớ rõ, vợ chồng anh C có hợp đồng mua bán thức ăn gia súc với chị Lê Tuyết A, hai bên thỏa thuận miệng: chị A bán thiếu thức ăn cho vợ chồng anh C, sau khi bán heo thì vợ chồng anh C sẽ thanh toán lại tiền cho chị A, mỗi lần vợ chồng anh C lấy thức ăn thì có sổ theo dõi, khi nào vợ chồng anh C trả tiền hai bên sẽ tổng kết nợ với nhau. Cách nay khoảng một năm mấy, lúc đó heo tuột xuống chỉ còn từ 01 đến 02 triệu đồng/tạ thì chị A đột ngột ngưng không bán thức ăn cho vợ chồng anh C theo hình thức gối đầu, có tiền mặt thì bán. Từ thời gian chị A ngưng không bán thiếu, vợ chồng anh C còn nợ chị A với tổng số tiền là 197.963.000 đồng. Đến nay, vợ chồng anh C vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào cho chị A. Anh C thừa nhận chữ ký trong Giấy xác nhận nợ ngày 27/11/2017 là chữ ký của anh C. Nay với yêu cầu khởi kiện của chị A, vợ chồng anh C đồng ý trả cho chị A số tiền vốn là 197.963.000 đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị A. Số tiền vốn, vợ chồng anh C xin được trả dần, mỗi tháng trả từ 2.000.000đ đến 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vốn của chị A vì hiện tại gia đình anh rất khó khăn.

* Bị đơn chị Bùi Thị D vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa xét xử ngày 17/7/2020, đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh C và chị D trả cho chị A số tiền vốn là 196.558.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 05/5/2018 đến ngày xét xử, tính tròn là 26 tháng với số tiền 42.417.000 đồng, tổng cộng là 238.975.000 đồng yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị A có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Tuyết A khởi kiện yêu cầu anh Trần Ngọc C và chị Bùi Thị D trả cho chị A số tiền mua bán thức ăn còn nợ, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp N, xã Q, huyện P, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền giải quyết vụ án

là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh C và chị D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị D.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa xét xử ngày 03/7/2020, anh C thừa nhận vợ chồng anh C có nợ tiền mua bán thức ăn của chị A nhưng nợ số tiền bao nhiêu thì anh C không rõ, anh C có sổ theo dõi và kết nợ với chị A do anh C giữ nhưng hiện tại anh C không mang theo và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để anh C cung cấp sổ mua bán cho Tòa án. Tại biên bản làm việc ngày 06/7/2020, anh C cung cấp cho Tòa án sổ theo dõi mua bán thức ăn giữa anh C và chị A; đồng thời anh C thừa nhận anh C còn nợ chị A số tiền 196.558.000 đồng từ ngày 05/5/2018 đến nay vẫn chưa thanh toán, anh C đồng ý trả số tiền trên cho chị A nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Tại phiên tòa xét xử ngày 17/7/2020, chị B là đại diện của nguyên đơn cũng thống nhất số nợ và thời gian kết nợ theo sổ theo dỏi do anh C cung cấp. B vậy có đủ cơ sở kết luận tính đến 05/5/2018, anh C và chị D còn nợ lại chị A số tiền mua bán thức ăn là 196.558.000 đồng. Việc bị đơn nợ tiền thức ăn của nguyên đơn nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi: Chị A yêu cầu anh C và chị D trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 05/5/2018 đến ngày xét xử (tính tròn 26 tháng) với số tiền là 0,83%/tháng x 196.558.000đ x 26 tháng = 42.417.000 đồng. Xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

B vậy bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 196.558.000 đồng + 42.417.000 đồng = 238.975.000 đồng.

[6] Về thời gian trả tiền: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C xin trả dần, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, tuy nhiên xét thấy việc yêu cầu xin trả dần của bị đơn sẽ ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn, đồng thời tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên yêu cầu xin trả dần của bị đơn hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí do yêu cầu của chị A được chấp nhận toàn bộ nên anh C và chị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho chị A.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của chị Lê Tuyết A đối với anh Trần Ngọc C và chị Bùi Thị D.

Buộc anh Trần Ngọc C và chị Bùi Thị D có nghĩa vụ trả cho chị Lê Tuyết A số tiền vốn là 196.558.000 đồng và tiền lãi là 42.417.000 đồng, tổng cộng là 238.975.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Trần Ngọc C và chị Bùi Thị D phải chịu 11.949.000 đồng (Mười một triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Tuyết A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.058.000 đồng (D triệu không trăm năm mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003601 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với anh C và chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.